

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2022/DS-ST**
Ngày: 15-4-2022
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình;

2. Ông Võ Trọng Văn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2021/TLST- DS, ngày 20/12/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-DS ngày 11/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐDS-ST ngày 28/3/2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Như Th**, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Số 178 đường ĐT 717, xóm 2, thôn X, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Ngọc L**, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, thôn Q, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Minh D**, sinh năm 1976. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 178 đường ĐT 717, xóm 2, thôn X, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2021, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Th trình bày: Trước đây ông Trần Ngọc L ở gần nhà bà Th tại xã ĐP, huyện TL. Năm 2015 ông L có cầm cố 01 chiếc xe mô tô tại nhà bà Th. Sau khi chuộc lại xe, ông L hỏi vay của bà Th số tiền 40.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy tay, thời hạn và lãi suất không ghi trong giấy, nhưng thỏa thuận bằng miệng là chỉ vay thời hạn 02 tháng, lãi suất 2%/tháng. Sau khi vay ông L không chịu trả nợ cho bà Th, mặc dù bà Th đòi nhiều lần, nhưng ông L chỉ hứa hẹn mà không trả. Bà Th có khởi kiện ông L ra Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Bình Thuận, nhưng ông L hứa trả nợ cho bà Th, nếu bà Th rút đơn khởi kiện. Sau khi bà Th rút đơn khởi kiện ông L vẫn không trả nợ cho bà Th, mà bỏ địa phương đến thôn Q, xã MP lập gia đình và sinh sống. Nay bà Th yêu cầu ông L trả nợ gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi tính theo quy định của pháp luật, kể từ ngày chậm trả cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ông L đã ly hôn, vợ ông L không liên quan gì đến số nợ của bà Th.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01 “Giấy mượn tiền” có chữ ký và ghi tên người mượn tiền là Trần Ngọc L, về nội dung của giấy mượn tiền: thể hiện ông Trần Ngọc L có vay của bà Nguyễn Thị Như Th số tiền là 40.000.000 đồng.

-Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Ngọc L không tham gia, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo đến tham gia phiên họp kiểm tra về giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra về giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ một cách hợp lệ. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Trần Ngọc L.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh D trình bày: Việc ông L có vay của bà Th 40.000.000 đồng, nay ông D yêu cầu ông L trả nợ theo như yêu cầu của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh D vắng mặt, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Giao dịch dân sự do các bên thực hiện vào năm 2015, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu ông Trần Ngọc L trả tiền vay 40.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp, thể hiện vào ngày 15/12/2015, ông Trần Ngọc L, sinh năm 1983, có vay của bà Nguyễn Thị Như Th số tiền 40.000.000 đồng. Chứng cứ này Tòa án đã công bố cụ thể cho ông Trần Ngọc L rõ tại Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 18/TB-TA ngày 27/01/2022; nhưng đến nay ông Trần Ngọc L cũng không có ý kiến phản đối hay khiếu nại gì. Do đó căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án, theo quy định của Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc ông Trần Ngọc L trả số nợ này cho bà Th và ông D là phù hợp Điều 471, 474 của Bộ Luật Dân sự năm 2005.

[4] Về lãi suất: Trong giấy mượn tiền ngày 15/12/2015, không thể hiện có thỏa thuận về lãi suất, không thỏa thuận về thời hạn vay, nên xác định trường hợp này là hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất, không có thời hạn. Nguyên đơn trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 2%/tháng, nhưng không có sự thừa nhận của bị đơn nên không có căn cứ. Nay nguyên đơn yêu cầu ông L trả lãi theo quy định của pháp luật. Do đó căn cứ vào ngày làm đơn khởi kiện 13/12/2021, để tính ngày báo trước và ngày chậm trả của bị đơn để tính lãi theo quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp. Cụ thể ngày tính lãi kể từ ngày 14/12/2021 cho đến nay là 04 tháng 01 ngày. Số tiền lãi là:

$$40.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times (4 + \frac{1}{30}) = 1.339.000 \text{ đồng (đã làm tròn số)}.$$

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Trần Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Thị Như Th và ông Nguyễn Minh D số tiền 41.339.000 đồng, gồm tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 1.339.000 đồng (tính từ ngày 14/12/2021 đến ngày xét xử 15/4/2022, với mức lãi 0,83%/tháng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong ông Trần Ngọc L còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Ngọc L phải chịu 2.066.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Như Th số tiền tạm ứng án phí 1.720.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009026 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 15/4/2022; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

VKSND huyện;

-THADS huyện;

-Các đương sự;

-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái